

Số: 38 /2017/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 28 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 654/TTr-STNMT ngày 10 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014:

1. Tại Điều 6 của Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền của chủ cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND tự lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ sở mình hoặc thuê đơn vị tư vấn lập và nộp 01 (một) bộ hồ sơ **tới Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.**

1. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền đã hoạt động gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, theo mẫu tại Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND);

b) 05 (năm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này);

c) Danh mục trang thiết bị và hóa đơn chứng thực đầu tư trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu; danh sách các cửa hàng xăng dầu lân cận để phối hợp ứng phó khi sự cố xảy ra;

d) Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

đ) Quyết định thành lập Tổ ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị kèm theo danh sách của tổ (bản chính) và chứng chỉ đã qua lớp tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu (bản sao công chứng/chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

e) 01 (một) bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt/giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường hoặc văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở.

2. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các dự án đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, theo mẫu tại Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND);

b) 05 (năm) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này);

c) Danh mục trang thiết bị và hóa đơn chứng thực đầu tư trang thiết bị (nếu có) hoặc danh mục các trang thiết bị dự kiến trang bị. Trước thời điểm dự án đi vào vận hành, hoạt động bổ sung đầy đủ và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát;

d) Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

đ) Quyết định thành lập Tổ ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị kèm theo danh sách của tổ (bản chính) và chứng chỉ đã qua lớp tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu (nếu có) hoặc bổ sung cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước thời điểm dự án đi vào vận hành, hoạt động.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở khác không thuộc đối tượng tại điểm 1, điểm 2, khoản 1 Điều này có hoạt động liên quan về khai thác, vận chuyển, chuyên tải, sử dụng dầu và các sản phẩm dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu gồm:

a) Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, theo mẫu tại Phụ lục 01 được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND);

b) 10 (mười) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu Phụ lục 03 kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh);

c) Hồ sơ năng lực và danh mục trang thiết bị thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu (bản chính). Trường hợp không có đủ trang thiết bị thì phải có hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu kèm theo hồ sơ năng lực của đơn vị đó (bản sao công chứng/chứng thực). Đối với các dự án đầu tư, chủ dự án không nhất thiết phải nộp Hồ sơ năng lực và danh mục trang thiết bị thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu mà có thể nộp danh mục các trang thiết bị dự kiến trang bị; đồng thời, trước thời điểm triển khai thực hiện từng giai đoạn (đầu tư và vận hành, hoạt động) bổ sung trang thiết bị đầy đủ theo như danh mục đã đề ra và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi;

d) Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

đ) Quyết định thành lập Tổ ứng phó sự cố tràn dầu của đơn vị kèm theo danh sách của tổ (bản chính) và chứng chỉ đã qua lớp tập huấn ứng phó sự cố tràn dầu (bản sao công chứng/chứng thực). Đối với các dự án đầu tư, chủ dự án không nhất thiết phải nộp cùng với hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt mà có thể nộp danh sách dự kiến nhân sự tham gia tổ và kế hoạch đào tạo, tập huấn; đồng thời, trước thời điểm triển khai thực hiện từng giai đoạn (đầu tư và vận hành, hoạt động) bổ sung đầy đủ hồ sơ (về nhân lực) và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi;

e) 01 (một) bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt/giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường hoặc văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (đối với cơ sở đã hoạt động).”

2. Tại Điều 7 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 11 Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 ban hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân tại cơ quan hành chính các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đơn vị chuyên môn tiến hành rà soát về sự hợp lệ của nội dung hồ sơ, trường hợp nội dung hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn thiện hồ sơ.

3. Quy trình, thời gian thẩm định hồ sơ:

a) Đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền hoặc các dự án đầu tư cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền:

Trong thời hạn 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Gồm các công đoạn sau:

- Bước 1: Trong thời gian 18 (mười tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp kế hoạch cần phải chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp thì chuyển sang bước 2.

+ Trường hợp Kế hoạch không cần phải chỉnh sửa, bổ sung thì chuyển sang bước 3.

- Bước 2: Tham mưu văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa bổ sung theo ý kiến cơ quan thẩm định.

- Bước 3. Dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình ký của Sở Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch và **chuyển cho Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.**

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc từ khi nhận Quyết định phê duyệt Kế hoạch, **Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ và Quyết định về Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh** để trả cho chủ cơ sở; đồng thời, chuyển Quyết định đã ký cho đơn vị chuyên môn.

Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch theo ý kiến của đơn vị chuyên môn.

b) Đối với các cơ sở thuộc điểm 3 khoản 1 Điều 1 Quyết định này:

Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Gồm các công đoạn sau:

- Trong thời gian 28 (hai mươi tám) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đơn vị chuyên môn có trách nhiệm thực hiện các bước sau:

Bước 1. Tham mưu ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở.

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể tiến hành các hoạt động điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của cơ sở tại địa điểm thực hiện dự án và khu vực kế cận. Kết quả điều tra kiểm chứng các thông tin, số liệu sẽ quyết định việc tổ chức họp Hội đồng thẩm định hay đề nghị chủ cơ sở chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ trước khi tổ chức họp Hội đồng.

+ Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng có chỉnh sửa, bổ sung thì chuyển sang Bước 2.

+ Trường hợp Kế hoạch được Hội đồng thẩm định thông qua, không chỉnh sửa thì chuyển sang Bước 3.

Bước 2. Tham mưu ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch theo ý kiến Hội đồng thẩm định.

Bước 3. Dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình ký của Sở Tài nguyên và Môi trường, **lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ký Quyết định phê duyệt Kế hoạch và chuyển hồ sơ đến Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.**

Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc từ khi nhận Quyết định phê duyệt Kế hoạch, **Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Trung tâm Hành chính công tỉnh chuyển hồ sơ và Quyết định về Quầy tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Hành chính công tỉnh để trả cho chủ cơ sở; đồng thời, chuyển hồ sơ và Quyết định đã ký cho đơn vị chuyên môn lưu hồ sơ.**

Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.”

3. Tại Điều 8 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8: Thành phần, số lượng hồ sơ đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền của chủ cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2014 tự lập Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ sở mình hoặc thuê đơn vị tư vấn lập và nộp 01 (một) bộ hồ sơ tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu phụ lục 02 Quy định kèm theo Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND);

- 04 (bốn) bản Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (Bản chính, mẫu Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này);

- Hồ sơ pháp nhân: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đầu tư (bản sao công chứng/chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- 01 (một) bản sao quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt/giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường hoặc văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc thông báo chấp nhận cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở (đối với cơ sở đã hoạt động).”

4. Tại Điều 9 Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Quy trình, thủ tục tiếp nhận, thẩm định và phê duyệt thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Hình thức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 11 Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 ban hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân tại cơ quan hành chính các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát về sự hợp lệ của nội dung hồ sơ, trường hợp nội dung hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn thiện hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu. Trình tự gồm các bước sau:

- Bước 1. Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, cơ quan chuyên môn có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp kế hoạch cần phải chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp thì chuyển sang bước 2.

+ Trường hợp Kế hoạch không cần phải chỉnh sửa, bổ sung thì chuyển sang bước 3.

- Bước 2. Tham mưu ban hành văn bản đề nghị cơ sở chỉnh sửa Kế hoạch theo ý kiến cơ quan thẩm định.

- Bước 3. Dự thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình ký của Phòng Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ký quyết định phê duyệt Kế hoạch và chuyển trả hồ sơ cho bộ phận trình ký (để lưu hồ sơ), Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (để trả cho chủ cơ sở).

Thời gian nêu trên không tính thời gian chủ cơ sở phải chỉnh sửa hồ sơ Kế hoạch theo ý kiến của cơ quan chuyên môn.”

5. Tại Điều 11 Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 11. Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh.

2. Thành phần khung của Hội đồng thẩm định Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

- Chủ tịch Hội đồng:

+ Đại diện lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trường hợp cần thiết có thể thêm 01 Phó Chủ tịch Hội đồng giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan.

- Các thành viên:

+ Đại diện Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Biển và Hải đảo - Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện các Sở: Công thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận;

+ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động;

+ Đại diện lãnh đạo Phòng Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường
- Công an tỉnh;

+ Đại diện lãnh đạo Chi cục Bảo vệ Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Đại diện Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực Miền Nam.

- Thư ký Hội đồng: Chuyên viên Chi cục Biển và Hải đảo.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể mời thêm các chuyên gia chuyên ngành cùng tham dự, tư vấn.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Trưởng Ban Chỉ huy Ứng phó sự cố tràn dầu tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban QGUPSCTT và TKCN;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận, đoàn thể tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT.Thường

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Hai